Mẫu số: **01-1/TAIN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính))*

**Phụ lục**

**BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ TÀI NGUYÊN PHẢI NỘP**

**ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN**

*(Kèm theo tờ khai thuế tài nguyên mẫu số 01/TAIN hoặc tờ khai quyết toán thuế tài nguyên mẫu số 02/TAIN)*

**[01]** Kỳ tính thuế: Tháng… năm …/Năm ...…

**[02] Tên người nộp thuế:**....................................................................................

**[03]** Mã số thuế:

 *Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà máy thủy điện theo từng tỉnh** | **Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh** | **Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh** | **Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ** | **Số thuế tài nguyên phải nộp của nhà máy thủy điện** | **Tỷ lệ phân bổ (%)** | **Số thuế phải nộp cho từng tỉnh** |
| **Huyện** | **Tỉnh** |
| **[04]** | **[05]** | **[06]** | **[07]** | **[08]** | **[09]** | **[10]** | **[11]** | **[12]=[11] x[10]** |
| 1 | Nhà máy <Tên nhà máy>  |  |  |  |  | [10a] |  |  |
| 1.1 | Nơi có văn phòng điều hành nhà máy  |  |  |  |  |   |  |  |
| 1.2 | Nơi có lòng hồ thủy điên (khác nơi có văn phòng điều hành nhà máy) |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nhà máy <Tên nhà máy>  |  |  |  |  | [10b] |  |  |
| … | Nơi có văn phòng điều hành nhà máy |  |  |  |  |  |  |  |
| … | Nơi có lòng hồ thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành nhà máy) |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |
|  **Cộng ([13]=∑[10]; [14]=∑[12])** | **[13]** |  | **[14]** |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**Họ và tên:.............................Chứng chỉ hành nghề số:..... | *..., ngày....... tháng....... năm.......***NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc** **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**(*Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử*) |

***Ghi chú:***

*1. Tại cột chỉ tiêu [07], [08]: Khai tên huyện, tỉnh nơi có văn phòng điều hành nhà máy thủy điện và nơi có lòng hồ thủy điện. Trường hợp lòng hồ thủy điện của một nhà máy thủy điện trên nhiều huyện do cùng một cơ quan thuế quản lý thì chọn 1 huyện trong các huyện nơi có nhà máy để kê khai vào chỉ tiêu này.*

*2. Tại cột chỉ tiêu [09]: Chỉ khai cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ.*

*3. Cột chỉ tiêu [10]: Khai số thuế tài nguyên phải nộp của nhà máy thủy điện để kê khai vào chỉ tiêu [10a], [10b], các ô còn lại để trống, người nộp thuế phải xác định số thuế tài nguyên phải nộp của nhà máy thủy điện.*

*4. Cột chỉ tiêu [11]: Khai tỷ lệ phân bổ cho từng tỉnh.*

*5. Cột chỉ tiêu [12]: Số thuế phải nộp cho từng tỉnh được xác định bằng số thuế phải nộp của nhà máy thủy điện nhân (x) với tỷ lệ phân bổ cho từng tỉnh./.*